TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 92/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15-4-2025
"V/v Ly hôn giữa chị H và anh D"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đê.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Sinh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 về Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố số 7, thị trấn TL, huyện HH, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn D, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố số 7, thị trấn TL, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Chị H, anh D xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 12 năm 2024 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn D đăng ký kết hôn ngày 22-5-2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thịnh Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống H thuận đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D ngoại tình dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau và phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Xét thấy tình cảm tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục

chung sống được nữa nên chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu giải quyết cho ly hôn anh D.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Thành Nh, sinh ngày 24-02-2009 và cháu Đỗ Thảo V, sinh ngày 13-9-2019. Khi ly hôn, chị H sẽ nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vy, anh D sẽ nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nhân. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ chung về tài sản nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai anh Đỗ Văn D trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị H có quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống như chị H đã trình bày. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, trong cuộc sống thường xuyên bất đồng quan điểm cãi, chửi nhau dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng. Do không thể chung sống được nên từ cuối năm 2019 cho đến nay anh D đi làm xa và vợ chồng sống ly thân. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên anh D nhất trí ly hôn để giải phóng cho nhau.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Thành Nh, sinh ngày 24-02-2009 và cháu Đỗ Thảo V, sinh ngày 13-9-2019. Khi ly hôn, anh D nhất chí để chị H nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vy, anh D sẽ nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nhân. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ chung về tài sản nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, chị H và anh D có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh D theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn D kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Thịnh Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định ngày 22-5-2008. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vì chị H cho rằng anh D ngoại tình dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H thì thấy: Chị H và anh D đều thừa nhận, quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và từ cuối năm 2019 đến nay vợ chồng đã sống sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn D đều có ý kiến chị H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đỗ Thảo V, anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Thành Nh; cháu Nh cũng có nguyện vọng ở với bố. Vì vậy, cần chấp nhận ý kiến của chị H, anh D và nguyện vọng của cháu Nh, giao cháu V cho chị H, giáo cháu Nhân cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Chị H và anh D đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản chung, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thảo V, sinh ngày 13-9-2019 cho chị H; giao cháu Đỗ Thành Nh, sinh ngày 24-02-2009 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. (Cháu V đang ở với chị H, cháu Nh đang ở với anh D).

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị H và anh D không có tài sản chung, không có nghĩa vụ chung về tài sản.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0000281 ngày 18-12-2024 của Chi cục thi thi án dân sự huyện Hải Hậu; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Cấp cho đương sự: (2 bản);
- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND TT Thịnh Long: (1 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Văn Ái